CÔNG TY TNHH DUGITH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DUGITH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUGITH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUGITH CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109709468

3. Ngày thành lập: 19/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 31, ngách 1, ngõ 158, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *+84965907008* Fax:

Email: *dugith.ltd@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	*0111*
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	*0112*
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	*0113*
4.	Trồng cây mía	*0114*
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	*0115*
6.	Trồng cây lấy sợi	*0116*
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	*0117*
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	*0118*
9.	Trồng cây hàng năm khác	*0119*
10.	Trồng cây ăn quả	*0121*
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	*0122*
12.	Trồng cây điều	*0123*
13.	Trồng cây hồ tiêu	*0124*
14.	Trồng cây cao su	*0125*
15.	Trồng cây cà phê	*0126*
16.	Trồng cây chè	*0127*
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	*0128*
18.	Trồng cây lâu năm khác	*0129*
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	*0131*
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	*0132*
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	*0141*
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	*0142*
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	*0144*

24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	*0145*
25.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
26.	Chăn nuôi khác	*0149*
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	*0150*
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	*0161*
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	*0162*
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	*0163*
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	*0164*
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	*0210*
33.	Khai thác gỗ	*0220*
34.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0231*
35.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	*0232*
36.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
37.	Khai thác thuỷ sản biển	*0311*
38.	Khai thác thuỷ sản nội địa	*0312*
39.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
40.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
41.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
42.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
43.	Khai thác dầu thô	*0610*
44.	Khai thác khí đốt tự nhiên	*0620*
45.	Khai thác quặng sắt	*0710*
46.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	*0722*
47.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
48.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	*0891*
49.	Khai thác và thu gom than bùn	*0892*
50.	Khai thác muối	*0893*
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	*0910*
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	*0990*
53.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
54.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
55.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
56.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
57.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
58.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
59.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
60.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
61.	Sản xuất đường	*1072*
62.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	*1073*

63.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
64.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
65.	Sản xuất chè	*1076*
66.	Sản xuất cà phê	*1077*
67.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
68.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
69.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	*1101*
70.	Sản xuất rượu vang	*1102*
71.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
72.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
73.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	*1200*
74.	Sản xuất sợi	*1311*
75.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
76.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
77.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1391*
78.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
79.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*
80.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*
81.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	*1399*
82.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
83.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
84.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
85.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	*1511*
86.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
87.	Sản xuất giày, dép	*1520*
88.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
89.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
90.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
91.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
92.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
93.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
94.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
95.	In ấn	*1811*
96.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	*1812*
97.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
98.	Sản xuất than cốc	*1910*

99.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	*1920*
100.	Sản xuất hoá chất cơ bản	*2011*
101.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	*2012*
102.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
103.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	*2021*
104.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
105.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
106.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	*2029*
107.	Sản xuất sợi nhân tạo	*2030*
108.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc;	*2100*
109.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
110.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
111.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
112.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
113.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
114.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
115.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
116.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
117.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
118.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	*2399*
119.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
120.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	*2420*
121.	Đúc sắt, thép	*2431*
122.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	*2432*
123.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
124.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
125.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	*2513*
126.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
127.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
128.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*

129.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huân chương, huy hiệu)	*2599*
130.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
131.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
132.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
133.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
134.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
135.	Sản xuất đồng hồ	*2652*
136.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	*2660*
137.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*
138.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	*2680*
139.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
140.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
141.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
142.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
143.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
144.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
145.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
146.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
147.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
148.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	*2812*
149.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	*2813*
150.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*
151.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
152.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*
153.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
154.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
155.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
156.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
157.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
158.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*
159.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
160.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
161.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
162.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	*2829*

163.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	*2910*
164.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	*2930*
165.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	*3012*
166.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
167.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*
168.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	*3099*
169.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
170.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Trừ vàng miếng)	*3211*
171.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	*3212*
172.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
173.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
174.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại Nhà nước cấm)	*3240*
175.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*

176.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt; - Sản xuất tẩu hút xì gà; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sảy, manơ canh... - Hoạt động nhồi bông thú,	*3290*
177.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
178.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
179.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
180.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
181.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
182.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
183.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
184.	Sản xuất điện	*3511*

185.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	*3530*
186.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
187.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
188.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
189.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại	*3812*
190.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
191.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại Chi tiết: - Xử lý chất thải nguy hại	*3822*
192.	Tái chế phế liệu	*3830*
193.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
194.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
195.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
196.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
197.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
198.	Xây dựng công trình điện	*4221*
199.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
200.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
201.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
202.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
203.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
204.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
205.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
206.	Phá dỡ	*4311*
207.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	*4312*
208.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*

209.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	*4329*
210.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
211.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	*4390*
212.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4511*
213.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đấu giá)	*4512*
214.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4513*
215.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
216.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4530*

217.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4541*
218.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
219.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4543*
220.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đấu giá)	*4610*
221.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	*4620*
222.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
223.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
224.	Bán buôn đồ uống	*4633*
225.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641(Chính)*
226.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	*4649*
227.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
228.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
229.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
230.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Mua bán trang thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	*4659*

231.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	*4661*
232.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	*4662*
233.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
234.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, sôđa, muối công nghiệp, axít và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy;	*4669*
235.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	*4690*
236.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
237.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	*4719*
238.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
239.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
240.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
241.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
242.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
243.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
244.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
245.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
246.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
247.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*

248.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
249.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
250.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*
251.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
252.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	*4764*
253.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
254.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*
255.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4773*
256.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	*4774*
257.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
258.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
259.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*

260.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	*4784*
261.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ súng đạn, tem và tiền kim khí; Trừ hoạt động của đấu giá viên)	*4789*
262.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	*4791*
263.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	*4799*
264.	Vận tải hàng hóa đường sắt	*4912*
265.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
266.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	*4932*
267.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
268.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	*5012*
269.	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	*5021*
270.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
271.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	*5210*
272.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	*5221*
273.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	*5222*
274.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
275.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5225*

276.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết - Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển (Trừ hoạt động dịch vụ hàng không và hoa tiêu)	*5229*
277.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	*5510*
278.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
279.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	*5610*
280.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
281.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
282.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	*5630*
283.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	*5820*
284.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ chương trình truyền hình; Trừ báo chí)	*5911*
285.	Hoạt động hậu kỳ	*5912*
286.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ chương trình truyền hình; Trừ báo chí)	*5913*
287.	Hoạt động chiếu phim	*5914*
288.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)	*5920*
289.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng Đại lý dịch vụ viễn thông	*6190*
290.	Lập trình máy vi tính	*6201*
291.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
292.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
293.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	*6311*

294.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	*6312*
295.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; (Trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp luật)	*6619*
296.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	*6810*
297.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ tư vấn pháp luật) - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	*6820*
298.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)	*7020*
299.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	*7110*
300.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	*7120*
301.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	*7211*
302.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	*7212*
303.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	*7213*
304.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	*7214*
305.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	*7221*
306.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	*7222*
307.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	*7310*
308.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	*7320*
309.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
310.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	*7420*

311.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	*7490*
312.	Hoạt động thú y	*7500*
313.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
314.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*
315.	Cho thuê băng, đĩa video	*7722*
316.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
317.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
318.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: - Nhận tiền nhuận bút hoặc phí giấy phép của việc sử dụng: + Bằng sáng chế, + Thương hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ, + Nhãn hàng,	*7740*
319.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: -Tư vấn nghề cho người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng - Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm cho người sử dụng lao động cần tuyển lao động (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm theo Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định về thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	*7810*
320.	Đại lý du lịch	*7911*
321.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	*7912*
322.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
323.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	*8010*
324.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	*8020*
325.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
326.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
327.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
328.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
329.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*

330.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
331.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	*8220*
332.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (Trừ họp báo)	*8230*
333.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
334.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	*8299*
335.	Giáo dục nhà trẻ	*8511*
336.	Giáo dục mẫu giáo	*8512*
337.	Đào tạo sơ cấp	*8531*
338.	Giáo dục thể thao và giải trí	*8551*
339.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	*8552*
340.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	*8559*
341.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	*8560*
342.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám đa khoa (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	*8620*
343.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	*9000*
344.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	*9311*

345.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	*9321*
346.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v…; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	*9329*
347.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
348.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
349.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
350.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
351.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
352.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
353.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	*9529*
354.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (Trừ massage)	*9610*
355.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
356.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	*9631*
357.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	*9632*
358.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	*9633*

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TÀI THẮNG	Việt Nam	Thôn 9, Xã Cát Quế, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	150.000.000	30,000	001093026869	

2	NGUYỄN ANH GIÁP	Việt Nam	Tổ 4, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	100.000.000	20,000	183376518	
3	NGUYỄN CHÍ DŨNG	Việt Nam	Tổ 4, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	250.000.000	50,000	183866814	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN CHÍ DŨNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/03/1993* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *183866814*

Ngày cấp: *31/07/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tĩnh*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 4, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 2810, Chung cư Startup Tower, ngõ 91 Ngọc Đại, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội